TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132 /2019/DS-PT
Ngày 23/4/2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2018/DSPT ngày 06/11/2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1297/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2019/QĐPT-DS, ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mã Hồn K (Ma Wun I), sinh năm 1941.

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số 019822 ngày 02/7/2016) có mặt.

Bị đơn: Ông Lê C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Đường C, Phường X1, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh và đường Đ, phường X2, Quận Y2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Lan A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: C2-701 Chung cư A, đường T, Phường T, Quận Y3, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 07/11/2018) có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê C, sinh năm 1961.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/11/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Mã Hồn K (Ma Wan I) có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T trình bày:

Thông qua vợ ông Lê C là người dân tộc Hoa nên hai bên quen biết đã 10 năm. Quá trình quen biết, ông C thường xuyên thực hiện các dịch vụ pháp lý cho gia đình ông K (Xin cấp Giấy chứng nhận nhà ở, đất đai, tranh chấp tài sản, thừa kế….). Ngày 03/10/2013, ông C có mượn của ông K số tiền 30.000 USD tại nhà của ông K, thời hạn vay 06 tháng, không tính lãi. Theo thông lệ, mỗi khi thực hiện các dịch vụ, ông C là người tự viết các biên nhận vì ông K không rành chữ Việt. Đến hạn ngày 03/4/2014, ông K yêu cầu ông C trả tiền nhưng ông C không đồng ý trả nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nêu trên, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy mượn tiền ngày 03/10/2013 và tin nhắn ngày 14/8/2014 mà ông C nhắn vào số điện thoại của ông K với nội dung cảm ơn về việc đã cho mượn số tiền 30.000 Đô la Mỹ và hứa hẹn sẽ hoàn trả. Đồng thời nhắc ông K thanh toán chi phí 03 dịch vụ pháp lý mà ông C đã thực hiện cho ông K.

Bị đơn ông Lê C có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Vũ Đ cùng trình bày tại các biên bản làm việc:

Ông C thừa nhận hai bên có quen biết đúng như ông Mã Hồn K (Ma Wan I) trình bày nhưng chưa lần nào ông C mượn tiền của ông K, thực tế ông K còn đang nợ tiền dịch vụ 65.000 Đô la Mỹ nhưng ông C chưa đòi. Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 03/10/2013 do chính tay ông viết và ký tên, có sai sót về thời gian mượn tiền (mượn ngày 30/10/2013 và ngày trả 03/4/2013); nội dung không ghi ai cho mượn, không có chứng cứ thể hiện ông C đã nhận tiền của ông K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông K.

"Giấy mượn tiền ngày 30/10/2013" do ông C viết vào trang đầu trong quyển sổ có bìa mặt trước và mặt sau đều là màu xanh da trời, góc phải quyển sổ có in logo

màu bạc, sổ còn mới nguyên, ông mua cho con gái để học, do con gái không dùng nên ông sử dụng và viết vào tờ đầu tiên của quyển sổ. Ông viết sẵn để có ai cho mượn tiền thì ông điền tên người cho mượn tiền vào. Khi nhận Thông báo thụ lý của Tòa ông mới nhớ ra đã để quên quyển sổ tại nhà của ông K do hai bên thường xuyên thực hiện các giao dịch tại nhà của ông K. Ông C cho rằng ông K đã tháo tờ "Giấy mượn tiền" và tự gắn vào quyển sổ khác để ông C nhận diện sai lệch cuốn sổ của chính ông đã bỏ quên ở nhà ông K. Ngoài ra, ông C thừa nhận nội dung tin nhắn bằng tiếng Hoa mà ông K cung cấp cho Tòa (Bút lục số 73) là do ông C nhờ người bạn biết tiếng Hoa dùng điện thoại của ông để soạn, cụ thể: "Xin chào chú M…, rất cảm ơn Chú đã hỗ trợ về khoản vay, Chính sẽ cố gắng tìm cách để hoàn trả lại cho Chú, …Chính đã hoàn thành 03 vụ việc cho Chú như sau: Hòa giải và mua bán thành công căn nhà số 26 T; Hoàn thành việc tư vấn Hợp đồng mua bán căn nhà số 20 L; Thương lượng và thỏa thuận thành công việc Chú còn nợ A D 350.000 USD, chỉ cần thanh toán 200.000 USD… gửi đến Chú lòng biết ơn vô hạn". Nhưng ông không nhớ đã gửi tin nhắn cho ông K, không biết tin nhắn này được chuyển sang máy của ông K bằng cách nào. Các biên nhận tiền và giấy ghi nội dung 04 công việc (Bút lục số 74, 75, 76, 77, 78), cụ thể: Hòa giải đưa D ra khỏi nhà 20 L...; Dịch vụ tư vấn bán nhà 20 L; Hòa giải trả D 200.000 USD thay vì trả D 350.000 USD; Di chúc... đều do ông C viết để báo cáo các công việc đã làm cho ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1297/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 464; Điều 465 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2011;

Áp dụng Điều 305; Điều 471; Điều 474; khoản 1 Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005. Luật Thi hành án dân sự. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mã Hồn K (Ma Wun I). Buộc ông Lê C có trách nhiệm trả cho ông Mã Hồn K (Ma Wun I) số tiền 656.700.000 (*Sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn*) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Lê C thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nêu trên cho ông Mã Hồn K (Ma Wun I), bản chính Giấy mượn tiền ngày 03/10/2013 do ông Lê C ghi không còn giá trị.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.268.000 (*Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn*) đồng.

Nguyên đơn ông Mã Hồn K (Ma Wun I) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự thẩm là 14.789.000 (*Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 08389 ngày 16/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2018, ông Lê C kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bán án sơ thẩm, do vi phạm thủ tục tố tụng, xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng; về giấy mượn tiền không ghi đúng thời gian, không có chứng từ nhận tiền của ông K, giấy mượn USD không có giá trị pháp lý, nên đề nghị sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K cho rằng: Ông C là người mượn tiền của ông K nên đã viết giấy mượn tiền giao cho ông K giữ, phù hợp với giấy xác nhận do ông C viết có nội dung ông K nợ ông C 65.000USD, trừ khoản nợ ông C còn nợ ông K 30.000USD và phù hợp với tin nhắn của ông C gửi cho ông K, nên đề nghị bác đơn kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án như sau: Cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết vụ án đúng theo tuần tự, thủ tục và niêm yết công khai, các văn bản tố tụng nơi ở, nơi làm việc cũ và mới của ông C và người đại diện theo ủy quyền của ông C. Do đó, ông C kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ. Về nội dung vụ kiện, giấy mượn tiền 30.000USD do ông C viết xác nhận, không ghi tên người cho mượn nhưng hiện ông K đang giữ, phù hợp với các giấy biên nhận do ông C viết đưa cho ông K và phù hợp với tin nhắn ông C gửi cho ông K lời cám ơn vì cho mượn tiền, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê C trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của ông Lê C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng và bác đơn khởi kiện của ông K thì thấy:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2014 của ông Mã Hồn K, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", nguyên

đơn ông Mã Hồn K là người nước ngoài, thời hiệu khởi kiện vẫn còn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ, hòa giải, đối chất và đưa vụ án ra xét xử. Cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho các đương sự trong vụ án (nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn), nhưng ông Lê C là bị đơn không tống đạt được, cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản về việc không tống được và tiến hành thủ tục niêm yết công khai 2 văn bản của tòa tại nơi ở, UBND phường nơi ông Lê C cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (bl: 259 đến 262). Ngày 25/7/2018, ông Lê C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C vắng mặt, nên cấp sơ thẩm quyết định hoãn phiên tòa là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho các đương sự trong vụ án, do bị đơn ông Lê C thay đổi chỗ ở và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C không nhận văn bản tống đạt, đã tiến hành lập biên bản và tiến hành thủ tục niêm yết công khai 2 văn bản của tòa tại nơi ở cũ và mới của ông Lê C, nơi làm việc của người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C, UBND phường nơi ở cũ và mới của ông Lê C và nơi làm việc của người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C, trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (bl: 271 đến 274; 277 đến 284). Ngày 20/9/2018, ông Lê C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C vắng mặt không có lý do. Do đó, Cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Lê C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê C là đúng quy định;

[3]. Về nội dung: Ông Lê C thừa nhận giấy mượn tiền lập ngày 03/10/2013, với số tiền mượn 30.000 USD là do ông Lê C viết và ký tên, không ghi tên người cho mượn tiền, hiện ông K đang giữ làm chứng cứ để đòi nợ. Ông Lê C cho rằng: Ông Lê C viết là để mượn tiền của người bạn khác và để quên tại nhà ông K, nay ông K căn cứ vào tờ giấy này để khởi kiện. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã thu thập 4 tài liệu khác do ông K cung cấp là những tờ giấy do ông Lê C viết và nhận tiền của ông K, nhưng không ghi tên người giao tiền là ông K như: *Hòa giải đưa D ra khỏi nhà 20 L...; Dịch vụ tư vấn bán nhà 20 L; Hòa giải trả D 200.000 USD thay vì trả D 350.000 USD; Di chúc...* (bl: 74, 75, 76, 77, 78).

Ngoài chứng cứ trên ông Lê C còn gửi tin nhắn từ số điện thoại của mình đến số điện thoại của ông K với nội dung: Xin chào chú M…, rất cám ơn chú đã hỗ trợ về khoản vay, Chính sẽ cố gắng tìm cách để hoàn trả lại cho chú…(bl: 73). Mặt khác,

ông Lê C thừa nhận viết giấy mượn tiền ngày 03/10/2013 nhằm mục đích để mượn tiền người khác, nay ông K đòi nợ và cung cấp giấy mượn tiền do chính ông Lê C viết và ký nhận nên ông Lê C là người nợ của ông K 30.000 USD như cấp sơ thẩm phân tích là có căn cứ.

[4]. Nay ông Lê C kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ kiện, nên bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông Lê C, giữ y Bản án sơ thẩm; ông Lê C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, 148, Điều 464, Điều 465 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2011; Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Bác toàn bộ đơn kháng cáo của ông Lê C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1297/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mã Hồn K (Ma Wun I). Buộc ông Lê C có trách nhiệm trả cho ông Mã Hồn K (Ma Wun I) số tiền 656.700.000 (*Sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn*) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Lê C thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nêu trên cho ông Mã Hồn K (Ma Wun I), bản chính Giấy mượn tiền ngày 03/10/2013 do ông Lê C ghi không còn giá trị.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê C phải chịu 30.268.000 (*Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn*) đồng.

Ông Mã Hồn K (Ma Wun I) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự thẩm là 14.789.000 (*Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 08389 ngày 16/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho

đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2017/0049980 ngày 22/10/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh, nên ông Lê C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý